

Quảng Trị, ngày tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai danh mục khu đất, thửa đất cho thuê ngắn hạn

Kính gửi: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê đất ngắn hạn

Căn cứ Quyết định số 38/2024/QĐ- UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn giá khởi điểm để làm cơ sở cho thuê đất đối với Khu đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý;

Căn cứ Thông báo số 282/TB-VPUBND ngày 14/7/2025 của Văn phòng UBND tỉnh thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Trần Phong tại buổi làm việc với các Sở, ngành, địa phương liên quan và Công ty TNHH Đầu tư Capella Quảng Bình, Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng quốc tế Mỹ Thủy về tình hình thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Quảng Trị,

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị thông báo công khai danh mục, đơn giá khởi điểm và thời hạn cho thuê ngắn hạn các khu đất, thửa đất như sau:

1. Danh mục Khu đất cho thuê đất ngắn hạn

a) **Tên Khu đất cho thuê:** Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần Đầu tư và khoáng sản ViCo Quảng Trị

b) **Vị trí, diện tích, hiện trạng Khu đất, thửa đất:** Thửa đất số 2/2 tờ bản đồ 16 xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng (nay là xã Vĩnh Định), tỉnh Quảng Trị Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ bản đồ khu đất được Công ty TNHH MTV tư vấn đo đạc Tiến Phát lập ngày 10/6/2025, được Sở Tài nguyên và môi trường xác nhận ngày 13/6/2025, diện tích 154,147m². Hiện trạng khu đất không có tài sản trên đất.

c) **Bản đồ Khu đất:** Có sơ đồ kèm theo

d) **Mục đích sử dụng đất:** Làm bãi chứa tạm cát trắng

e) **Đối tượng được thuê đất:** Tổ chức hoặc cá nhân

f) **Thời hạn cho thuê đất:** 5 năm

g) Đơn giá khởi điểm cho thuê: 489đồng/m²/năm

h) Hình thức trả tiền thuê đất: Hàng năm

2. Nội dung hồ sơ xin thuê đất thuê đất

2.1 Trong thời hạn công khai, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê đất liên hệ Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh số 09 Lê Quý Đôn, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị để tìm hiểu thông tin và nộp hồ sơ xin thuê đất.

Thời hạn nộp đơn xin thuê đất: Kể từ ngày 10/9/2025 đến 17h30 ngày 10/10/2025 (trong giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Số điện thoại liên hệ: 0918.621.123 (Ông: Nguyễn Văn Tuấn - Phòng Kỹ thuật và Quản lý quỹ đất).

Hồ sơ xin thuê đất gồm:

- Đơn xin thuê đất (Theo Mẫu kèm theo Thông báo này).

- Bản sao căn cước công dân (Đối với cá nhân), bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Đối với tổ chức)

2.2 Hình thức nộp: Đơn xin thuê đất và các giấy tờ kèm theo được đựng trong túi hồ sơ dán kín có chữ ký hoặc dấu niêm phong của tổ chức, cá nhân và nộp trực tiếp tại địa chỉ và thời gian nêu tại mục 2.1.

3. Thời gian công bố kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê đất

Thời gian và địa điểm công bố: 8:00 ngày 11/10/2025 tại Trụ sở Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị số 09 Lê Quý Đôn, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- GD, Các PGD;
- Trang TTĐT Trung tâm PTQĐ tỉnh;
- Trụ sở TTPTQĐ tỉnh, chi nhánh TTPTQĐ tỉnh (niêm yết);
- Lưu: VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Đăng Hải

BẢNG KÊ TOA ĐỘ Hệ tọa độ VN 2000 (Khu đất tổ chức PTQĐ quản lý)			
Số hiệu điểm góc	X (m)	Y (m)	K/c (m)
4	1850774.110	605826.230	82.43
3	1850804.090	605903.010	178.46
2	1850970.490	605838.520	324.97
2'	1850859.590	606143.980	249.38
3'	1850873.020	606393.000	645.29
4'	1850370.700	605987.940	434.61
4	1850774.110	605826.230	
Số hiệu điểm góc	X (m)	Y (m)	K/c (m)
6	1850511.070	606234.250	472.97
8	1850880.160	606530.010	450.40
16	1850431.630	606571.060	317.92
7	1850375.070	606258.210	138.09
6	1850511.070	606234.250	

BẢNG KÊ TOA ĐỘ Hệ tọa độ VN 2000 (Khu đất UBND xã quản lý)			
Số hiệu điểm góc	X (m)	Y (m)	K/c (m)
1	1851009.150	605732.020	113.30
2	1850970.490	605838.520	178.46
3	1850804.090	605903.010	82.43
4	1850774.110	605826.230	253.22
1	1851009.150	605732.020	
Số hiệu điểm góc	X (m)	Y (m)	K/c (m)
5	1850346.980	606102.760	210.27
6	1850511.070	606234.250	138.09
7	1850375.070	606258.210	157.97
5	1850346.980	606102.760	
Số hiệu điểm góc	X (m)	Y (m)	K/c (m)
8	1850880.160	606530.010	686.10
9	1850917.840	607215.070	13.24
10	1850913.930	607202.420	26.20
11	1850888.110	607206.860	273.41
12	1850624.550	607134.120	3.08
13	1850624.470	607131.040	8.41
14	1850616.090	607131.790	90.74
15	1850528.020	607107.650	545.29
16	1850431.630	606571.060	450.40
8	1850880.160	606530.010	
Số hiệu điểm góc	X (m)	Y (m)	K/c (m)
17	1850190.320	605857.330	81.92
18	1850205.050	605937.910	241.92
19	1849979.380	606025.080	125.80
20	1849902.790	605925.280	295.45
17	1850190.320	605857.330	
Số hiệu điểm góc	X (m)	Y (m)	K/c (m)
21	1850193.870	606060.910	80.90
22	1850215.000	606139.000	17.15
23	1850231.240	606133.480	245.10
24	1850278.600	606373.960	30.71
25	1850247.900	606374.850	321.66
26	1850052.000	606119.720	153.58
21	1850193.870	606060.910	
Số hiệu điểm góc	X (m)	Y (m)	K/c (m)
24	1850278.600	606373.960	380.79
27	1850355.970	606746.810	272.28
28	1850088.610	606798.360	452.48
25	1850247.900	606374.850	
24	1850278.600	606373.960	



